FORMULA INDEX BY CHAPTER

Formulas are listed alphabetically on p. 629

GROUP 1. EXOGENOUS WIND DISORDERS

1A. EXOGENOUS WIND-COLD (Common Cold – Cold Type) 2

Classical Formulas:

Chuan Xiong Cha Tiao San	*chuān xiōng chá tiáo sǎn* (川芎茶调)	4
Ge Gen Tang	*gé gēn tāng* (葛根汤)	6
Gui Zhi Tang	*guì zhī tāng* (桂枝汤)	8
Jing Fang Bai Du San	*jīng fáng bài dú sǎn* (荆防败毒散)	10
Ren Shen Bai Du San	*rén shēn bài dú sǎn* (人参败毒散)	12

Other: 14

1B. PATHOGENIC WIND-HEAT (Common Cold – Mild Heat Type) 15

Classical Formulas:

Chai Ge Jie Ji Tang	*chái gé jiě jī tāng* (柴葛解肌汤)	16
Sang Ju Yin	*sāng jú yǐn* (桑菊饮)	18
Yin Qiao San	*yín qiào sǎn* (银翘散)	20

Other: 21

1C. NASAL AND EAR CONGESTION 22

Classical Formulas:

Cang Er Zi San	*cāng ěr zǐ sǎn* (苍耳子散)	24
Xin Yi Wan	*xīn yí wán* (辛夷丸)	26

Modern Formulas:

Bi Min Gan Wan (Pe Min Kan)	*bí mǐn gǎn wán* (鼻敏感丸)	28
Bi Yan Pian	*bí yán piān* (鼻炎片)	30
Children's Ear Formula (GF)		31

Other: 32

GROUP 2: FORMULAS THAT CLEAR HEAT

2A. HEAT-TOXINS & DAMP-HEAT TOXINS (Viral and Bacterial Infections; Common Cold; Influenza) 33

Classical Formulas:

Da Huang Mu Dan Pi Tang	*dà huáng mǔ dān pí tāng* (大黄牡丹皮汤)	36
Huang Lian Jie Du Tang	*huáng lián jiě dú tāng* (黄连解毒汤)	38
Nei Xiao Luo Li Wan	*nèi xiāo luǒ lì wán* (内消瘰沥丸)	40
Pu Ji Xiao Du Yin	*pǔ jì xiāo dú yǐn* (普济消毒饮)	42
Wu Wei Xiao Du Yin	*wǔ wèi xiāo dú yǐn* (五味消毒饮)	44
Xi Gua Shuang (Watermelon Frost)	*xī guā shuāng* (西瓜霜)	46

Modern Formulas:

Chuan Xin Lian Wan	*chuān xīn lián wán* (穿心莲丸)	48
Gan Mao Ling	*gǎn mào líng* (感冒灵)	50
Zhong Gan Ling	*zhòng gǎn líng* (重 感灵)	52

Other: 54

2B. FEVER AND STOMACH FIRE 56

Classical Formulas:

Bai Hu Tang	*bái hǔ tāng* (白虎汤)	58
Dao Chi San	*dǎo chì sǎn* (导赤散)	60
Fang Feng Tong Sheng San	*fáng fēng tōng shèng sǎn* (防风通圣散)	62
Liang Ge San	*liáng gé sǎn* (凉膈散)	64
Qing Wei San	*qīng wèi sǎn* (清胃散)	66

Other: 68

GROUP 3: RESPIRATORY DISORDERS

3A. LUNG HEAT OR FIRE (Barking Cough, Upper *Jiao* Inflammation) 69

Classical Formulas:

Qing Zao Jiu Fei Tang	*qīng zào jiù fèi tāng* (清燥救肺汤)	70

Modern Formulas:

Huang Lian Shang Qing Wan	*huáng lián shàng qīng wán* (黄连上清丸)	72
Li Fei Pian	*lì fèi piān* (利肺片)	75
Qing Fei Yi Huo Pian	*qīng fèi yi huǒ piān* (清肺火片)	76

Other: 77

3B. LUNG PHLEGM-HEAT (Acute Productive Cough) 79

Classical Formulas:

Qing Qi Hua Tan Wan — *qīng qì huà tán wán* (清气化痰丸) 80

Modern Formulas:

Ning Sou Wan — *níng sòu wán* (宁嗽丸) 82

Other: 84

3C. LUNG PHLEGM-DAMP (Chronic Productive Cough) 85

Classical Formulas:

Ban Xia Hou Po Tang — *bàn xià hòu pò tāng* (半夏厚朴汤) 86

Er Chen Tang — *èr chén tāng* (二陈汤) 88

Su Zi Jiang Qi Tang — *sū zǐ jiàng qì tāng* (苏子降气汤) 90

Xing Su San — *xìng sū sǎn* (杏蘇丸) 92

Modern Formulas:

Chuan Ke Wan / Qi Guan Yan Wan — *chuǎn ké wán* (喘咳丸) / *qì guǎn yán wán* (气管炎丸) 94

Other: 96

3D. COUGH SYRUPS 97

Modern Formulas:

Chuan Bei Pi Pa Lu (Loquat & Fritillary Extract) — *chuān bèi pí pá lù* (川贝枇杷露) 98

San She Dan Chuan Bei Ye — *sān shé dǎn chuān bèi yè* (三蛇胆川贝液) 100

Xiao Ke Chuan (Hsiao Keh Chuan) — *xiāo ké chuǎn* (消咳喘) 101

3E. LUNG YIN DEFICIENCY (Dry Nonproductive Cough) 102

Classical Formulas:

Ba Xian Chang Shou Wan / Mai Wei Di Huang Wan — *bā xīan cháng shōu wán* (八仙长寿丸) / *mài wèi dì huáng wán* (麦味地黄丸) 104

Bai He Gu Jin Tang — *bǎi hé gù jīn tang* (百合固金汤) 106

Sha Shen Mai Dong Tang — *shā shēn mài dōng tāng* (沙参麦冬汤) 108

Sheng Mai San — *shēng mài sǎn* (生脉散) 110

Modern Formulas:

Gu Ben Wan — *gù běn wán* (固本丸) 112

Other: 113

3F. WHEEZING AND DIFFICULT BREATHING (Asthma) 114

Classical Formulas:

Bu Fei Tang *bǔ fèi tāng* (补肺汤) 116

Ding Chuan Wan *dìng chuǎn wán* (定喘丸) 118

Modern Formulas:

Ping Chuan Pian *píng chuǎn piàn* (平喘片) 120

Ping Chuan Wan *píng chuǎn wán* (平喘丸) 122

Other: 124

GROUP 4. BI SYNDROME (Arthritis, Rheumatism, Back Pain)

4A. WIND-COLD-DAMP BI SYNDROME 129

Classical Formulas:

Juan Bi Tang – 1 *juān bì tāng* (蠲痹湯) 130

Juan Bi Tang – 2 *juān bì tāng* (蠲痹湯) 132

Shu Jing Huo Xue Tang *shū jīng huó xuè tāng* (舒经活血汤) 134

Modern Formulas:

Guan Jie Yan Wan *guān jié yán wán* (关节炎丸) 136

Other: 138

4B. BLOOD STAGNATION BI SYNDROME 139

Classical Formulas:

Shen Tong Zhu Yu Tang *shēn tòng zhú yū tāng* (身痛逐瘀丸) 140

Modern Formulas:

Zhong Guo Tong Xue Wan (China Tung Hsueh Pills)
zhōng guó tōng xuè wán (中国通血丸) 142

Other: 143

4C. DEFICIENCY BI SYNDROME 145

Classical Formulas:

Bu Yang Huan Wu Tang *bǔ yáng huán wǔ tāng* (补阳还五丸) 146

Huang Qi Gui Zhi Wu Wu *huáng qí guì zhī wǔ wù* (黄芪桂枝五) 148

San Bi Tang *sān bì tang* (三痹汤) 150

Modern Formulas:

Fu Fang Shou Wu Wan (Shou Wu Wan Compound)
fù fāng shǒu wū wán (复方首乌丸) 152

Other: 154

4D. COLD BI SYNDROME 155

Classical Formulas:

Dang Gui Si Ni Tang *dāng guī sì nì tāng* (当归四逆汤) 156
Xiao Huo Luo Dan *xiǎo huó luò dān* (小活络丹) 158

Other: 160

4E. HEAT BI SYNDROME 161

Classical Formulas:

Dang Gui Nian Tong Tang *dāng guī niān tòng tāng* (当归拈痛汤) 162
Si Miao Wan *sì miào wán* (四妙丸) 164
Xuan Bi Tang *xuān bì tāng* (宣痹汤) 166

Other: 167

4F. BACK PAIN AND SCIATICA 168

Classical Formulas:

Du Huo Ji Sheng Tang *dú huó jì shēng tāng* (独活寄生汤) 170

Modern Formulas:

Kang Gu Zeng Sheng Wan *kàng gǔ zēng shēng wán* (抗骨增生丸) 172
Tian Qi Du Zhong Wan *tián qī dù zhòng wán* (田七杜仲丸) 174
Yao Tong Pian *yāo tòng piàn* (腰痛片) 176
Zuo Gu Shen Jing Tong Wan (Sciatica Pills)
zuò gǔ shén jīng tòng wán (坐骨神经痛丸) 178

Other: 180

GROUP 5. TRAUMA AND PAIN

5A. TRAUMATIC INJURY 181

Classical Formulas:

Huo Luo Xiao Ling Dan *huó luò xiào líng dān* (活络效灵丹) 182
Qi Li San *qī lí sǎn* (七厘散) 184

Modern Formulas:

Jin Gu Die Shang Wan *jīn gǔ diē shāng wán* (筋骨跌伤丸) 186

Other: 189

5B. TOPICAL APPLICATIONS FOR TRAUMATIC INJURY & BI SYNDROME 190

Modern Formulas:

Die Da Yao Jing (Tieh Ta Yao Gin) *diē dǎ yào jīng* (跌打药精) 192

Die Da Zhi Tong Gao (Plaster for Bruise) *diē dǎ zhǐ tòng gāo* (跌打止痛散膏) 194

Jing Wan Hong (Ching Wan Hung) *jīng wàn hóng* (京万红) 196

Shang Shi Bao Zhen Gao / Shang Shi Zhi Tong Gao *shāng shī bǎo zhēn gāo* (伤湿宝珍膏) *shāng shī zhǐ tòng gāo* (伤湿止痛膏) 198

Yun Nan Bai Yao (Yunnan Paiyao) *yún nán bái yào* (云南白药) 201

Zheng Gu Shui *zhēng gǔ shuǐ* (正骨水) 202

Other: 203

5C. PAIN 204

Classical Formulas:

Shao Yao Gan Cao Tang *sháo yào gān cǎo tāng* (芍药甘草丸) 205

Modern Formulas:

Yan Hu Suo Zhi Tong Wan *yán hú suǒ zhǐ tòng wán* (延胡索止痛丸) 206

Other: 207

GROUP 6. DIGESTIVE DISORDERS

6A. SPLEEN QI DEFICIENCY 208

Classical Formulas:

Bu Zhong Yi Qi Tang *bǔ zhōng yì qì tāng* (补中益气汤) 210

Si Jun Zi Tang *sì jūn zǐ tāng* (四君子汤) 212

Liu Jun Zi Tang *liù jūn zǐ tāng* (六君子汤) 214

Xiang Sha Liu Jun Zi Tang *xiāng shā liù jūn zǐ tāng* (香砂六君子汤) 216

Ping Wei San *píng wèi sǎn* (平胃散) 218

Shen Ling Bai Zhu San *shēn líng bái zhú sǎn* (参苓白术散) 220

Other: 222

6B. SPLEEN YANG DEFICIENCY 224

Classical Formulas:

Fu Zi Li Zhong Wan *fù zǐ lǐ zhōng wán* (附子理中丸) 226
Xiao Jian Zhong Tang *xiǎo jiàn zhōng tāng* (小建中汤) 228

Modern Formulas:

Mu Xiang Shun Qi Wan *mù xiāng shùn qì wán* (木香顺气丸) 230

Other: 230

6C. FOOD STAGNATION (Indigestion) 232

Classical Formulas:

Bao He Wan *bǎo hé wán* (保和丸) 234
Jian Pi Wan *jiàn pí wán* (健脾丸) 236
Xiang Sha Yang Wei Tang *xiāng shā yǎng wèi tāng* (香砂养胃汤) 238
Zi Sheng Wan *zī shēng wán* (资生丸) 240

Modern Formulas:

Kang Ning Wan (Curing/Culing Pills)
kāng níng wán (康宁丸) 242

Other: 224

6D. DAMP-TURBIDITY (Abdominal Cramping and Diarrhea) 247

Classical Formulas:

Huo Xiang Zheng Qi San *huò xiāng zhèng qì sǎn* (藿香正气散) 248
Tong Xie Yao Fang *tòng xiè yào fāng* (痛泻药方) 250
Wu Mei Wan *wū méi wán* (乌梅丸) 252

Modern Formulas:

Huang Lian Su Pian *huáng lián sù pian* (黄连素片) 254

Other: 256

6E. CONSTIPATION 259

Classical Formulas:

Da Cheng Qi Tang *dà chéng qì tāng* (大承气汤) 260
Ma Zi Ren Wan *má zǐ rén wán* (麻子仁丸) 262
Mu Xiang Bing Lang Wan *mù xiāng bīng láng wán* (木香槟榔丸) 264
Run Chang Wan *rùn cháng wán* (润肠丸) 266
Wu Ren Wan *wǔ rén wán* (五仁丸) 268

Other: 269

6F. HEMORRHOID 270

Classical Formulas:

Huai Jiao Wan (Fructus Sophora) *huái jiǎo wán* (槐角丸) 270

Modern Formulas:

Hua Zhi Ling (Fargelin) *huà zhì líng* (化痔灵) 272

Zhi Bao *zhì bǎo* (痔宝) 274

Other: 275

GROUP 7. LIVER AND GALLBLADDER DISORDERS

7A. LIVER STAGNATION 276

Classical Formulas:

Chai Hu Shu Gan San *chái hú shū gān sǎn* (柴胡疏肝散) 280

Ge Xia Zhu Yu Tang *gé xià zhú yū tāng* (膈下逐瘀汤) 282

Tian Tai Wu Yao San *tiān tái wū yào sǎn* (天台乌药散) 284

Xiao Chai Hu Tang *xiǎo chái hú tāng* (小柴胡汤) 286

Xiao Yao San *xiāo yáo sǎn* (逍遥散) 288

Yi Guan Jian *yī guàn jiān* (一贯煎) 290

Modern Formulas:

Shu Gan Wan *shū gān wán* (舒肝丸) 292

Other: 295

7B. LIVER YANG AND ENDOGENOUS WIND (Dizziness, Ear Ringing, Headache, Hypertension) 298

Classical Formulas:

Ban Xia Bai Zhu Tian Ma Tang *bàn xià bái zhú tiān má tāng* (半夏白术天麻汤) 299

Chai Hu Jia Long Gu Mu Li Tang *chái hú lóng gǔ mǔ lì* (柴胡龙骨牡蛎汤) 302

Er Long Zuo Ci Wan *ěr lóng zuǒ cí wán* (耳聋左慈丸) 304

Tian Ma Gou Teng Yin *tiān má gōu téng yǐn* (天麻钩藤饮) 306

Zheng An Xi Feng Tang *zhèn gān xī fēng tāng* (镇肝息风汤) 308

Modern Formulas:

Jiang Ya Wan *jiàng yā wán* (降压丸) 310

/ Jiang Ping Wan *jiàng píng wán* (降平丸)

Tian Ma Qu Feng Wan *tiān má qū fēng bǔ wán* (天麻祛风补丸) 312

/ Tian Ma Wan *tiān má wán* (天麻丸)

Other: 314

7C. LIVER-GALLBLADDER DAMP-HEAT AND FIRE 316

Classical Formulas:

Da Chai Hu Tang — *dà chái hú tāng* (大柴胡汤) 318
Long Dan Xie Gan Tang — *lóng dǎn xiè gān tāng* (龙胆泻肝汤) 320
Wen Dan Tang — *wēn dǎn tāng* (温胆汤) 322

Modern Formulas:

Ji Gu Cao Pian — *jī gǔ cǎo piàn* (鸡骨草片) 324

Other: 326

7D. GALLSTONES AND GALLBLADDER CONGESTION 328

Modern Formulas:

Li Dan Pai Shi Wan — *lǐ dǎn pái shí* wán (利胆排石丸) 330
Li Dan Wan — *lǐ dǎn piàn* (理胆片) 332

Other: 333

GROUP 8. GYNECOLOGICAL DISORDERS

8A. GYNECOLOGICAL TONICS (Menstrual Disorders, Infertility, Pregnancy, Postpartum) 334

Classical Formulas:

Fu Ke Zhong Zi Wan — *fù kē zhǒng zǐ wán* (妇科种子丸) 336
Jiao Ai Tang — *jiāo ài tāng* (胶艾汤) 338
Wen Jing Tang — *wēn jīng tāng* (温经汤) 340
Wu Ji Bai Feng Wan — *wū jī bái fèng wán* (乌鸡白凤丸) 342

Modern Formulas:

Bu Xue Tiao Jing Wan — *bǔ xuè tiáo jīng wán* (补血调经丸) 344
Yang Rong Tang — *yǎng róng tāng* (养荣汤) 346
Zhong Zi Wan — *zhǒng zǐ wán* (种子丸) 348

Other: 350

8B. PREMENSTRUAL TENSION 352

Classical Formulas:

Jia Wei Xiao Yao San — *jiā wèi xiāo yáo sǎn* (加味逍遥散) 354

Other: 356

8C. UTERINE BLOOD STASIS (Menstrual Cramps, Uterine Fibroids, Ovarian Cysts, Endometriosis) 358

Classical Formulas:

Dang Gui Shao Yao San *dāng guī sháo yào sǎn* (当归芍药散) 360
Gui Zhi Fu Ling Wan *guì zhī fú líng wán* (桂枝茯苓丸) 362
Shao Fu Zhu Yu Tang *shào fǔ zhú yū tāng* (少腹逐瘀汤) 364
Tao Hong Si Wu Tang *táo hóng sì wù tāng* (桃红四物汤) 366

Modern Formulas:

Tong Jing Wan *tòng jīng wán* (痛经丸) 368

Other: 371

8D. VAGINAL DISCHARGE (Leukorrhea) 373

Classical Formulas:

Qian Jin Zhi Dai Wan (Chien Chin Chih Tai Wan) *qiān jīn zhǐ dài wán* (千金止带丸) 374

Modern Formulas:

Yu Dai Wan *yù dài wán* (瘉带丸) 376

Other: 377

8E. MENOPAUSAL DISORDER AND DEFICIENCY FIRE 378

Classical Formulas:

Da Bu Yin Wan *dà bǔ yīn wán* (大补阴丸) 380
Qing Gu San *qīng gǔ sǎn* (清骨散) 382
Zhi Bai Di Huang Wan *zhī bǎi dì huáng wán* (知柏地黄丸) 384

Modern Formulas:

Er Xian Tang *èr xiān tāng* (二仙汤) 386
Geng Nian An Wan *gēng nián ān wán* (更年安丸) 388

Other: 390

GROUP 9. DISTURBED SHEN

(Insomnia, Anxiety, Palpitation) 392

Classical Formulas:

Bai Zi Yang Xin Tang	*bǎi zǐ yǎng xīn tāng* (柏子养心汤)	396
Gan Mai Da Zao Tang	*gān mài dà zǎo tāng* (甘麦大枣汤)	398
Gui Pi Tang	*guī pí tāng* (归脾汤)	400
Suan Zao Ren Tang	*suān zǎo rén tāng* (酸枣仁汤)	402
Tian Wang Bu Xin Dan	*tiān wáng bǔ xīn dān* (天王补心丹)	404

Modern Formulas:

An Mian Pian	*ān mián piàn* (安眠片)	406
An Mian Wan	*ān mián wán* (安眠丸)	408
An Shen Bu XIn Wan	*ān shén bǔ xīn wán* (安神补心丸)	410
An Shui Wan	*ān shuì wán* (安睡丸)	412
Bu Nao Wan /Jian Nao Wan	*bǔ nǎo wán* (补脑丸) *jiàn nǎo wán* (健脑丸)	414

Other: 417

GROUP 10. HEART BLOOD STASIS AND ACCUMULATION OF HEART PHLEGM

(Chest Pain, Headache, Arterial Plaque, Hypercholesteremia) 418

Classical Formulas:

Dan Shen Yin	*dān shēn yǐn* (丹参饮)	420
Tong Qiao Huo Xue Tang	*tōng qiào huó xuè tāng* (通窍活血汤)	422
Xue Fu Zhu Yu Tang	*xuè fǔ zhú yū tāng* (血府逐瘀汤)	424

Modern Formulas:

Cholisma (EV)		426
Shan Zha Jiang Zhi Wan	*shān zhā jiàng zhī wán* (山楂降脂丸)	428

Other: 430

GROUP 11. UROGENITAL DISORDERS

11A. URINARY DISTURBANCE AND PROSTATE SWELLING 431

Classical Formulas:

Bi Xie Fen Qing Yin	*bì xiè fēn qīng yǐn* (萆薢分清饮)	432

Modern Formulas:

Jie Jie Wan (1) (Kai Kit Pill)	*jiě jiē wán* (解结丸)	434

Other: 436

11B. BLADDER OR PROSTATE INFECTION 437

Classical Formulas:

Ba Zheng San — *bā zhèng sǎn* (八正散) 438

Modern Formulas:

Bi Xie Sheng Shi Wan — *bì xiè shèng shī wán* (萆薢胜湿丸) 440

Jie Jie Wan (2) — *jiě jiē wán* (解结丸) 442

Qian Lie Xian Wan — *qián liè xiàn wán* (前列腺丸) 444

Other: 445

11C. SPERMATORRHEA AND URINARY INCONTINENCE 447

Classical Formulas:

Jin Suo Gu Jing Wan — *jīn suǒ gù jīng wán* (金锁固精丸) 448

Sang Piao Xiao San — *sāng piāo xiāo sǎn* (桑螵蛸散) 450

Other: 452

11D. KIDNEY STONE 453

Modern Formulas:

Pai Shi Wan (Passwan) — *pái shí wán* (排石丸) 453

Other: 455

GROUP 12. WATER RETENTION AND EDEMA 457

Classical Formulas:

Fang Ji Huang Qi Tang — *fáng jǐ huáng qí tāng* (防己黄芪汤) 458

Wu Ling San — *wǔ líng sǎn* (五苓散) 460

Wu Pi Yin — *wǔ pí yǐn* (五皮饮) 462

Zhen Wu Tang — *zhēn wǔ tāng* (真武汤) 464

Other: 465

GROUP 13. DERMATOLOGICAL DISORDERS

13A. SKIN RASHES (Acne, Eczema and Urticaria) 466

Classical Formulas:

Dang Gui Yin Zi — *dāng guī yǐn zǐ* (当归饮子) 468

Lian Qiao Bai Du Pian — *lián qiào bài dú piān* (连翘败独片) 470

Xiao Feng San — *xiāo fēng sǎn* (消风散) 472

Modern Formulas:

Hua She Jie Yang Wan — *huā shé jiě yǎng wán* (花蛇解痒丸) 474

Zhen Zhu An Zhuang Wan — *zhēn zhū ān chuāng wán* (珍珠暗疮丸) 478

Other: 480

13B. HAIR LOSS (Alopecia) 481

Classical Formulas:

Qi Bao Mei Ran Dan *qī bǎo měi rán dān* (七宝美髯丹) 482

Modern Formulas:

Ban Tu Wan *bān tū wán* (斑秃丸) 484

Other: 485

GROUP 14. EYE AND VISION DISORDERS 486

Classical formulas:

Qi Ju Di Huang Wan *qǐ jú dì huáng wán* (杞菊地黄丸) 488

Modern formulas:

Ming Mu Di Huang Wan *míng mù dì huáng wán* (明目地黄丸) 490

Ming Mu Shang Qing Pian *míng mù shàng qīng piān* (明目上清片) 492

Nei Zhang Yan Ming Wan *nèi zhàng yǎn míng wán* (内障眼明丸) 494

Other: 495

GROUP 15. MISCELLANEOUS DISORDERS

15A. WASTING-THIRST DISORDER (Diabetes, Metabolic Syndrome) 496

Classical Formulas:

Yu Quan Wan *yù quán wán* (玉泉丸) 498

Modern Formulas:

Xiao Ke Wan *xiāo kě wán* (消渴丸) 500

Other: 501

15B. INTERNAL BLEEDING 503

Classical Formulas:

Shi Hui San *shí huī sǎn* (十灰散) 504

Modern Formulas:

Yun Nan Bai Yao Jiao Nang (Yunnan Pai Yao Capsules) *yún nán bái yào jiāo náng* (云南白药胶囊) 506

Other: 507

GROUP 16. QI AND BLOOD TONICS

16A. QI TONICS 508

Single herb:

Feng Wang Jiang (Royal Jelly)	*fēng wáng jiāng* (蜂王浆)	510
Huang Qi (Astragalus)	*huáng qí* (黄芪)	511
Ren Shen (Ginseng)	*rén shēn* (人参)	512
Xi Yang Shen (American Ginseng)	*xī yáng shēn* (西洋参)	514

Two herb combination:

Ren Shen Feng Wang Jiang (Ginseng Royal Jelly)	*rén shēn fēng wáng jiāng* (人参蜂王浆)	515

Classical Formulas:

Yu Ping Feng San	*yù píng fēng sǎn* (玉屏风散)	516

Modern Formulas:

Shen Qi Wu Wu Wei Zi Wan	*shēn qí wu wǔ wèi zǐ wán* (参芪五味子丸)	518

Other: 519

16B. BLOOD TONICS 520

Single herb:

Dang Gui (Angelica)	*dāng guī* (当归)	522
He Shou Wu (Polygonum)	*hé shǒu wū* (何首乌)	524

Classical Formulas:

Si Wu Tang	*sì wù tāng* (四物汤)	526

Modern Formulas:

Dang Gui Jing (Tang Kwe Gin)	*dāng guī jīng* (当归精)	528
Fu Fang Dang Gui Wan	*fù fāng dāng guī wán* (复方当归丸)	530
Shou Wu Zhi	*shǒu wū zhī* (首乌汁)	532

Other: 534

16C. COMBINED QI AND BLOOD TONICS 537

Classical Formulas:

Ba Zhen Tang *bā zhēn tāng* (八珍汤) 538
Dang Gui Bu Xue Tang *dāng guī bǔ xuè tāng* (当归补血汤) 540
Ren Shen Yang Rong Tang / Yang Ying Wan *rén shēn yǎng róng tāng* (人参养荣汤) *yǎng yíng wán* (养营丸) 542

Modern Formulas:

Ren Shen Shou Wu Wan (Ginseng and Polygonum) *rén shēn shǒu wū wán* (人参首乌丸 545

Other: 546

GROUP 17. KIDNEY TONICS

17A. KIDNEY YIN TONICS 548

Classical Formulas:

Liu Wei Di Huang Wan *liù wèi dì huáng wán* (六味地黄丸) 550
Zuo Gui Wan *zuǒ guī wán* (左归丸) 554

Other: 556

17B. KIDNEY YANG AND JING TONICS 558

Classical Formulas:

Jin Gui Shen Qi Wan / Ba Wei Di Huang Wan *jīn guì shèn qì wán* (金匮肾气丸) *bā wèi dì huáng wán* (八味地黄丸) 560
Wu Zi Yang Zong Wan *wǔ zǐ yǎn zōng wán* (五子衍宗丸) 562
You Gui Wan *yòu guī wán* (右归丸) 564

Modern Formulas:

Cong Rong Bu Shen Wan *cōng róng bǔ shèn wán* (苁蓉补肾丸) 566
Ge Jie Bu Shen Wan / Ge Jie Da Bu Wan *gé jiè bǔ shèn wán* (蛤蚧补肾丸) *gé jiè dà bǔ wán* (蛤蚧大补丸) 567
Gui Ling Ji (Kwei Ling Chi) *guī líng jí* (龟龄集) 570

Other: 573

GROUP 18. COMBINATION AND SINGLE HERB TONICS

18A. COMBINATION TONICS 574

Classical Formulas:

Huan Shao Dan *huán shào dān* (还少丹) 576
Shi Quan Da Bu Tang *shí quán dà bǔ tāng* (十全大补汤) 580
Zhi Gan Cao Tang *zhì gān cǎo tāng* (炙甘草汤) 582

Modern Formulas:

Ren Shen Bu Wan (Ginseng Tonic Pills)
rén shēn bǔ wán (人参补丸) 584
Ren Shen Lu Rong Wan (Ginseng Antler Pills)
rén shēn lù róng wán (人参鹿茸丸) 586

Other: 588

18B. SINGLE HERB TONICS 591

Ci Wu Jia (Eleutherococcus) *cì wǔ jiā* (刺五加) 592
Dong Chong Xia Cao (Cordyceps)
dōng chóng xià cǎo (冬虫夏草) 594
Ling Zhi (Ganoderma) *líng zhī* (灵芝) 596

Explanation of TCM Terms 598
The SIx Stages and Six Divisions 600
Classical Text References, Alphabetically By Text 601
Classical Text References, Alphabetically By Author 604
Classical Text References with Formulas, by Date 606
Formula Index, Alphabetically 629
How To Dose Chinese Herbal Products 636
Bibliography and Recommended Reading 637
Biography of Author 639
Code Letters of Herbal Companies *inside back cover*
Code Letters of Herbal Categories *inside back cover*